

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 12 - 2021

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà
Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 ngày 10
năm 2021 về: “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021
của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐ-PT ngày
03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Phan Thúy H; cư trú tại: số P, khóm B, phường
N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Lê Thị Minh H1; cư trú tại: số
I, đường R, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; theo văn bản ủy quyền ngày
16/11/2021.

- Bị đơn: anh Hồ Hoàng A; cư trú tại: số P, khóm B, phường N, thành phố
V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: anh Hồ Hoàng A - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Phan Thúy H trình bày: chị và anh Hồ Hoàng A đã ly hôn theo Quyết định số 177/2020/QĐST-HN ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng tài sản chung chưa giải quyết. Tài sản chung của chị và anh Hồ Hoàng A gồm có:

- Căn nhà tường cấp 4, số P, khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long được xây dựng vào năm 2015, xây trên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất là tài sản riêng của chị, do cha chị là ông Nguyễn Văn T cho. Chị yêu cầu được sở hữu căn nhà và hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh Hồ Hoàng A theo định giá bằng 77.955.000 đồng.

- 01 tủ để tivi trị giá 4.000.000 đồng, 01 tủ để quần áo trị giá 3.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 8.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000 đồng, 01 tivi trị giá 6.000.000 đồng, 01 lò nướng trị giá 3.000.000 đồng, 01 nồi cơm điện trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ chén trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá 32.000.000 đồng. Các tài sản này do anh Hồ Hoàng A quản lý. Chị H yêu cầu chia đôi tài sản này, anh Hồ Hoàng A nhận hiện vật, hoàn cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị bằng 16.000.000 đồng. Đối với 06 chậu bông chị H đang quản lý thì chị đồng ý giao cho anh Hồ Hoàng A được sở hữu.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Hồ Hoàng A trình bày: thửa đất là tài sản riêng của chị H. Căn nhà và các vật dụng sinh hoạt trong nhà là tài sản chung của anh và chị H có trong thời kỳ hôn nhân. Anh đồng ý giao cho chị H sở hữu căn nhà, chị H phải hoàn lại cho anh $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà theo thỏa thuận trước đây bằng 120.000.000 đồng. Đối với vật dụng trong nhà như chị H trình bày trị giá 32.000.000 đồng anh yêu cầu được sở hữu, không đồng ý hoàn $\frac{1}{2}$ trị giá cho chị H. Vì toàn bộ tài sản này do anh mua.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Hồ Hoàng A trình bày: thửa đất số 35 do ông T tặng cho vợ chồng $\frac{1}{2}$, còn $\frac{1}{2}$ vợ chồng anh nhận chuyển nhượng với giá 100.000.000 đồng, việc chuyển nhượng chỉ nói miệng. Anh xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng. Các tài sản đều do vợ chồng tạo lập nên anh không đồng ý chia mà để lại cho con. Còn 06 chậu bông chị H đang quản lý, anh đồng ý được sở hữu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều 97, 98, 27, 32 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 26 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 147, 165, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phan Thúy H.

Chị H được trọn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà số P, khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long gắn liền tài sản riêng là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 67, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn tọa lạc tại ấp B, xã N (nay là khóm B, phường N), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 11/8/2015 cho chị Nguyễn Phan Thúy H đứng tên quyền sử dụng.

Buộc chị H có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà số B68 cho anh Hồ Hoàng A bằng 77.955.000 đồng.

Anh Hồ Hoàng A được tiếp tục sở hữu, sử dụng tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình, do anh Hồ Hoàng A đang quản lý gồm: tủ tivi, tủ quần áo, máy giặt, tủ lạnh, tivi, lò nướng, nồi cơm điện và tủ chén bằng tổng giá trị là 32.000.000 đồng. Buộc anh Hồ Hoàng A có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị H là 16.000.000 đồng.

Ghi nhận thỏa thuận giữa chị H và anh Hồ Hoàng A. Chị H có nghĩa vụ giao cho anh Hồ Hoàng A được quyền sở hữu, sử dụng 06 chậu bông.

Án phí sơ thẩm: chị H và anh Hồ Hoàng A mỗi người phải chịu 4.698.000 đồng.

Buộc anh Hồ Hoàng A phải hoàn lại tiền chi phí thẩm định, định giá tổng cộng 300.000 đồng cho chị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm trả trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2021, bị đơn anh Hồ Hoàng A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận thửa đất số 35, tờ bản đồ số 67 là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu đo đạc, định giá nhà và đất theo giá thị trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Phan Thúy H và anh Hồ Hoàng A kết hôn vào ngày 13/11/2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Hồ Anh K, sinh ngày 27/8/2008. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và anh Hồ Hoàng

A thuận tình ly hôn, được giải quyết theo Quyết định số 177/2020/QĐST-HN ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Trong quyết định này có thỏa thuận giao con cho chị H được nuôi dưỡng. Phần tài sản chung của vợ chồng chưa được giải quyết.

[2] Chị H và anh Hồ Hoàng A đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập được số tài sản gồm: căn nhà cấp 4, được xây dựng trên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, 01 tủ để tivi trị giá 4.000.000 đồng, 01 tủ quần áo trị giá 3.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 8.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000 đồng, 01 tivi trị giá 6.000.000 đồng, 01 lò nướng trị giá 3.000.000 đồng, 01 nồi cơm điện trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ chén trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá 32.000.000 đồng. Và 06 chậu bông. Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thì nhà chính khung cột bê tông cốt thép, mái tôn, có trần, vách tường, nền gạch men, xây dựng vào năm 2015, giá trị còn lại 60%, trị giá 133.576.636 đồng, nhà tiền chế phía trước trị giá 10.729.029 đồng và hàng rào trụ bê tông cốt thép, tường lửng, khung lưới B40 trị giá 11.603.502 đồng. Tổng trị giá 155.909.167 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh Hồ Hoàng A không phản đối kết quả định giá này, nhận thấy hội đồng định giá đã định theo giá thị trường và thực hiện đúng trình tự thủ tục. Vì vậy không có căn cứ để định giá lại. Các tài sản là động sản trong nhà do các bên thỏa thuận về giá. Xét thấy cấp sơ thẩm đã chia đôi cho chị H và anh Hồ Hoàng A mỗi người hưởng tài sản $\frac{1}{2}$, trong đó chị H đang nuôi dưỡng con, chị chưa có chỗ ở, cấp sơ thẩm giao cho chị H được sở hữu căn nhà và các vật kiến trúc khác theo biên bản định giá và hoàn trả $\frac{1}{2}$ trị giá bằng 77.955.000 đồng cho anh Hồ Hoàng A là phù hợp. Đối với các động sản anh Hồ Hoàng A đang quản lý cấp sơ thẩm giao cho anh Hồ Hoàng A được sở hữu, anh phải hoàn trả cho chị H $\frac{1}{2}$ trị giá bằng 16.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với 06 chậu bông chị H giao cho anh được sở hữu, cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[3] Đối với phần đất thửa số 35, diện tích 100m² tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do chị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 11/8/2015. Nguồn gốc phần đất của cha mẹ chị H tặng cho riêng chị H theo hợp đồng tặng cho lập ngày 11/6/2015, được văn phòng công chứng chứng nhận và đã trước bạ sang tên cho chị H. Tại tiểu mục 1.6 Điều 5 của hợp đồng tặng cho nêu trên có ghi nhận thửa đất là tài sản riêng của chị H. Cho đến nay chị H không có văn bản nhập quyền sử dụng đất này thành tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Hồ Hoàng A cũng thừa nhận đây là tài sản riêng của chị H. Anh Hồ Hoàng A kháng cáo cho rằng đây là tài sản chung và yêu cầu định giá lại nhưng anh không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ

Hoàng A và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng A và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

Áp dụng Điều 33, 43, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Hồ Hoàng A có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Phan Thúy H được quyền sở hữu căn nhà số B68 (nhà chính, nhà tiền chế phía trước) và hàng rào trụ bê tông cốt thép, tường lửng, khung lưới B40 được xây dựng trên thửa số 35, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc chị Nguyễn Phan Thúy H phải hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, nhà tiền chế phía trước và hàng rào cho anh Hồ Hoàng A 77.955.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Hoàng A về việc yêu cầu chia giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại khóm B, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do chị H đứng tên.

3. Anh Hồ Hoàng A được sở hữu các tài sản gồm: 01tủ để tivi, 01tủ quần áo, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 tivi, 01lò nướng, 01nồi cơm điện, 01 tủ chén, tổng trị giá 32.000.000 đồng.

Buộc anh Hồ Hoàng A phải hoàn trả $\frac{1}{2}$ trị giá các tài sản trên bằng 16.000.000 đồng cho chị Nguyễn Phan Thúy H.

4. Ghi nhận thỏa thuận giữa chị H và anh Hồ Hoàng A. Chị H có nghĩa vụ giao cho anh Hồ Hoàng A được sở hữu 06 chậu bông.

5. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản hết 600.000 đồng, chị H và anh Hồ Hoàng A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, chị Hằng đã nộp tạm ứng 600.000 đồng, anh Hồ Hoàng A phải hoàn trả cho chị Hằng 300.000 đồng.

6. Án phí: anh Hồ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Hằng và anh Hồ Hoàng A mỗi người phải chịu 4.698.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hồ Hoàng A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 326 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được khấu trừ, còn phải nộp 4.698.000 đồng.

Chị H đã nộp 5.800.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 5873 ngày 20/11/2020 và biên lai thu số 5988 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được khấu trừ, còn lại hoàn trả cho chị H 1.102.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTPV: 01b;
- THADSTPV: 02b;
- Đ/sự: 03b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn